

Phụ lục I
DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG
BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG GIAI ĐOẠN 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. TẬP THỂ

1. Đoàn Thanh niên Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
2. Vụ Tổ chức cán bộ;
3. Phòng Công nghệ số, Cục Chuyển đổi số;
4. Trung tâm Thống kê và Nền tảng số, Cục Chuyển đổi số;
5. Phòng Giống vật nuôi, Cục Chăn nuôi và Thú y;
6. Phòng Chính sách - Pháp chế, Cục Chăn nuôi và Thú y;
7. Phòng Quản lý vận hành và tưới tiêu, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
8. Phòng Quản lý đê điều, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
9. Phòng Ứng phó và Khắc phục hậu quả thiên tai, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
10. Phòng Tổ chức sự kiện và dịch vụ thương mại, Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp;
11. Phòng Quy hoạch và Dự báo tài nguyên nước, Viện Khoa học Tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
12. Phòng Quy hoạch Thủy lợi Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
13. Phòng Quy hoạch đê điều và Phòng, chống thiên tai, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
14. Phòng Khí tượng Thủy văn, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
15. Phòng Khuyến nông Chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia;
16. Ban Tổ chức và Hành chính, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
17. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
18. Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
19. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Lúa thuần, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

20. Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón vùng Trung Du, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
21. Văn phòng, Viện Môi trường Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
22. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
23. Bộ môn Cây Lương thực, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
24. Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hố, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
25. Trung tâm Nghiên cứu Máy nông nghiệp và Thủy khí, Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
26. Phân Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
27. Phân Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp miền Trung, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
28. Trung tâm công trình Hồ đập, Viện Thủy công, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
29. Phòng Nghiên cứu Thủy năng và năng lượng tái tạo, Viện Thủy điện và năng lượng tái tạo, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
30. Phòng Kế hoạch, Tài chính, Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
31. Phòng Phân tích Thức ăn và Sản phẩm chăn nuôi, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
32. Trạm Nghiên cứu và Phát triển giống lợn hạt nhân Tam Điệp, Trung tâm Nghiên cứu Lợn Thụy Phương, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
33. Phân viện Chăn nuôi và Thú y miền Trung, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
34. Bộ môn Nghiên cứu Vi trùng - Vi rút, Phân viện Chăn nuôi và Thú y miền Trung, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
35. Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm, Phân viện Chăn nuôi và Thú y miền Trung, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
36. Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Lâm nghiệp Đông Nam Bộ, Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;
37. Ban Quản lý dự án Kết hợp bảo vệ rừng vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau, Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi;
38. Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;
39. Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;

40. Phòng Kỹ thuật công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;
41. Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
42. Văn phòng Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
43. Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và bản đồ Việt Nam;
44. Nhà máy In Bản đồ, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và bản đồ Việt Nam;
45. Trung tâm Phát hành, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và bản đồ Việt Nam;
46. Phòng Tổ chức Hành chính Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông;
47. Phòng Kế hoạch Sản xuất Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông.

II. CÁ NHÂN

1. Ông Tạ Hồng Sơn, Bí thư Đoàn thanh niên Bộ;
2. Ông Vũ Đức Đàm Quang, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế;
3. Bà Nguyễn Kim Oanh, Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế;
4. Ông Lê Minh Tuấn, Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế;
5. Bà Vũ Thanh Hà, Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế;
6. Ông Âu Văn Bẩy Chuyên viên cao cấp Vụ Tổ chức cán bộ;
7. Ông Nguyễn Hữu Đạt, Chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ;
8. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh, Chuyên viên Vụ Khoa học và Công nghệ;
9. Ông Nguyễn Văn Hiếu, Chuyên viên Vụ Khoa học và Công nghệ;
10. Bà Tôn Tích Lan Phương, Chuyên viên cao cấp Vụ Kế hoạch -Tài chính;
11. Ông Nguyễn Danh Hùng, Chuyên viên chính Vụ Kế hoạch -Tài chính;
12. Bà Chử Thị Loan, Chuyên viên chính Vụ Kế hoạch -Tài chính;
13. Ông Dương Mạnh Hà, Chuyên viên Phòng Tổ chức - Hành chính, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (nay Chuyên viên Cục Chuyển đổi số);
14. Ông Phùng Duy Khánh, Chuyên viên Phòng Tổ chức - Hành chính, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
15. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

16. Bà Dương Thị Đào, Thanh tra viên chính Phòng Kiểm tra và Tiếp công dân, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
17. Ông Trần Văn Cảnh, Chuyên viên Phòng Văn thư - Lưu trữ, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
18. Bà Nguyễn Thị Thu, Chuyên viên Phòng Kiểm tra và Tiếp công dân, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
19. Bà Lê Thị Thu Hoài, Chuyên viên Phòng Văn thư - Lưu trữ, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
20. Bà Đoàn Thanh Thủy, Phó Chánh Văn phòng Cục Chuyển đổi số;
21. Bà Trần Thị Mai Thu, Chuyên viên chính Phòng An toàn thông tin, Cục Chuyển đổi số;
22. Ông Hoàng Phúc, Viên chức Trung tâm Hạ tầng số, Cục Chuyển đổi số;
23. Ông Lê Hoàng Anh, Viên chức Trung tâm Thống kê và Nền tảng số, Cục Chuyển đổi số;
24. Ông Võ Tuấn Hoàng, Viên chức Trung tâm Thống kê và Nền tảng số, Cục Chuyển đổi số;
25. Ông Nguyễn Bá Quân, Phó Trưởng phòng Lưu trữ và Thư viện, Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Thư viện, Cục Chuyển đổi số;
26. Ông Trần Bình Trọng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
27. Ông Nguyễn Duy Bình, Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm soát hoạt động địa chất, khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
28. Ông Vũ Mạnh Hào, Phó Trưởng phòng Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
29. Bà Hồ Thị Thư, Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
30. Bà Đỗ Thị Hải, Chuyên viên chính Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
31. Bà Lê Thúy Hằng, Chuyên viên Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
32. Bà Mai Thị Bích Ngọc, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
33. Bà Nguyễn Thị Thủy, Chuyên viên chính Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
34. Ông Chu Văn Dũng, Chuyên viên Phòng Khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

35. Ông Trần Văn Quý, Phó Liên đoàn trưởng Liên đoàn địa chất Đông Bắc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
36. Ông Trần Đăng Khoa, Chuyên viên chính Phòng Kinh tế địa chất, khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
37. Bà Đinh Thị Hương, Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, Trung tâm Biên giới và Địa giới, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam
38. Bà Phạm Thị Trà My, Viên chức Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Nghệ An, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Cục Khí tượng Thủy văn;
39. Bà Mai Kim Liên, Phó Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu;
40. Ông Nguyễn Văn Hào, Pháp chế viên Phòng Chính sách - Pháp chế, Cục Chăn nuôi và Thú y;
41. Ông Nguyễn Hồng Khanh, Phó Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
42. Ông Lương Văn Anh, Phó Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (nay là Ủy viên Đại biểu Quốc hội chuyên trách, Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường, Văn phòng Quốc hội);
43. Ông Phạm An Trung, Chuyên viên Phòng Thẩm định và Chuẩn bị đầu tư, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
44. Ông Nguyễn Văn Hùng, Chuyên viên chính Phòng Quản lý Vận hành và tưới tiêu, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
45. Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Chuyên viên Phòng Chính sách - Pháp chế, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
46. Ông Phan Tiến An, Trưởng phòng An toàn đập và Hồ chứa nước, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
47. Bà Phạm Thị Minh Thuý, Chuyên viên Phòng Quản lý nước sạch nông thôn, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
48. Ông Nguyễn Sơn Tùng, Phó Giám đốc Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
49. Bà Dương Tú Oanh, Trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Truyền thông, Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
50. Bà Lê Hoàng Lan, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
51. Bà Vũ Thị Mến, Viên chức Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;

52. Bà Kim Thị Bích Ngọc, Viên chức Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
53. Ông Nguyễn Quang Hùng, Phó Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
54. Ông Nhữ Văn Cẩn, Phó Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
55. Ông Nguyễn Phú Quốc, Phó Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
56. Bà Bùi Thị Thùy, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
57. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Chuyên viên Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
58. Ông Nguyễn Tuấn Uyên, Chuyên viên Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
59. Ông Nguyễn Văn Vũ, Chuyên viên Phòng Quản lý tàu cá và Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
60. Bà Nguyễn Thị Trang, Chuyên viên Phòng Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
61. Ông Nguyễn Hữu Bình, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Kiểm ngư, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
62. Ông Nguyễn Hoài Nam, Nhân viên Phòng Tổ chức - Hành chính, Chi cục Kiểm ngư Vùng I, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
63. Ông Trần Văn Lâm, Thuyền trưởng tàu KN 198, Đội tàu Kiểm ngư, Chi cục Kiểm ngư Vùng I, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
64. Ông Đào Văn Trường, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư Vùng V, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
65. Ông Nguyễn Duy Thành, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
66. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Viên chức Văn phòng, Trung tâm Thông tin Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
67. Ông Bùi Hải Trung, Viên chức Phòng Giám sát tàu cá và Thông tin kiểm ngư, Trung tâm Thông tin Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
68. Ông Trần Xuân Điềm, Nhân viên Phòng Dữ liệu Thủy sản và Kiểm ngư, Trung tâm Thông tin Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
69. Ông Nguyễn Văn Linh, Trưởng phòng Công nghệ và Quản trị hệ thống, Trung tâm Thông tin Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
70. Ông Vũ Tuấn Cường, Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định Thủy sản, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

71. Ông Nguyễn Thanh Hải, Phó Chánh Văn phòng, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
72. Ông Nguyễn Văn Cường, Phó Chánh Văn phòng, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
73. Bà Phí Lan Hương, Chuyên viên Văn phòng, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
74. Ông Lê Quốc Hưng, Chuyên viên Văn phòng, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
75. Ông Nguyễn Quốc Huy, Đoàn trưởng Đoàn Địa vật lý biển, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Bắc, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
76. Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm định viên Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị nông nghiệp, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;
77. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diễm, Phó Giám đốc Trung tâm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phía Nam, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
78. Bà Đặng Thị Ngọc Kiểm, Trưởng phòng Kỹ thuật và chuyển giao, Trung tâm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phía Bắc, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
79. Ông Nghiêm Văn Ngo, Trưởng phòng Kiểm định sản phẩm viễn thám, Trung tâm Kiểm định sản phẩm và thiết bị viễn thám, Cục Viễn thám quốc gia;
80. Bà Lê Thị Mai Loan, Chuyên viên Văn phòng Cục Viễn thám quốc gia;
81. Bà Đoàn Thị Tuyết Nga, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
82. Ông Phùng Đức Thắng, Phó Trưởng phòng Quản lý đê điều, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
83. Ông Đặng Văn Đăng, Phó Trưởng phòng Kiểm soát an toàn thiên tai, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
84. Bà Nguyễn Trần Mỹ Dung, Thủ quỹ Văn phòng, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
85. Bà Nguyễn Minh Nhật, Kế toán viên Văn phòng, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
86. Ông Ngô Sỹ Vượng, Chuyên viên Văn phòng, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
87. Ông Nguyễn Xuân Lưu, Chuyên viên Phòng Quản lý rủi ro thiên tai cộng đồng và Truyền thông, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
88. Bà Phạm Thị Hồng Nhung, Chuyên viên Phòng Quản lý rủi ro thiên tai cộng đồng và Truyền thông, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
89. Ông Nguyễn Việt Phú, Chuyên viên Phòng Ứng phó và Khắc phục hậu quả thiên tai, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;

90. Bà Nguyễn Thị Nga, Viên chức Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng, chống thiên tai, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;
91. Ông Phạm Huy Thông, Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
92. Ông Lê Xuân Quý, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
93. Bà Hoàng Thanh Tâm, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Hành chính - Quản trị, Văn phòng, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
94. Ông Đào Mạnh Phú, Chuyên viên Ban Điều tra tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
95. Ông Trần Văn Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
96. Bà Phạm Thị Thu, Trưởng phòng Dữ liệu và Chuyển đổi số, Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
97. Bà Lê Thị Thu Hoài, Kỹ sư Phòng Khoa học Công nghệ, Hợp tác quốc tế, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
98. Ông Trương Hồng Sơn, Chánh Văn phòng Viện Quy hoạch Thủy lợi, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
99. Ông Trần Đình Dũng, Kỹ sư chính Phòng Quy hoạch Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
100. Bà Lê Thanh Hà, Phó Giám đốc Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
101. Bà Nguyễn Thị Kim Toàn, Phó Chánh Văn phòng, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
102. Bà Trần Thị Nhung, Kỹ sư chính Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
103. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy, Trưởng phòng Quy hoạch đê điều và Phòng, chống thiên tai, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
104. Bà Nguyễn Thị Hoàng Hạnh, Chuyên viên Văn phòng, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;

105. Ông Trương Kim Cương, Phó Giám đốc Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia;
106. Bà Tạ Thị Thu Hồng, Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương (nay là Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình Mục tiêu quốc gia);
107. Bà Võ Thị Hồng, Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
108. Ông Nguyễn Duy Điều, Chuyên viên chính Phòng Khuyến nông Chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
109. Bà Đào Thanh Hương, Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Hợp tác quốc tế, Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
110. Bà Trần Thị Diệu, Chuyên viên Phòng Khuyến nông Trồng trọt và Lâm nghiệp, Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
111. Bà Lữ Thị Thu Hồng, Chuyên viên Phòng Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
112. Ông Vũ Minh Thiện, Phó Trưởng đại diện Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công;
113. Ông Đỗ Duy Tuấn, Phó Trưởng khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp (nay thuộc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức);
114. Bà Nguyễn Kim Oanh, Dược sĩ lâm sàng khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp (nay thuộc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức);
115. Ông Nguyễn Hữu Lĩnh, Phó Trưởng khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp (nay thuộc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức);
116. Bà Hà Thị Dung, Phó Trưởng phòng Tài chính, kế toán, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp (nay thuộc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức);
117. Ông Vũ Duy Đông, Bác sĩ Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp (nay thuộc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức);
118. Ông Mai Văn Hào, Phó Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
119. Bà Trần Thị An, Kỹ thuật viên Ban Tổ chức và Hành chính, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
120. Bà Trần Thị Thu Hương, Phó Chánh Văn phòng Đảng Ủy, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
121. Ông Nguyễn Trường Sơn, Trưởng ban Tài chính - Kế toán, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

122. Bà Vũ Thị Vui, Chuyên viên Ban Tổ chức và Hành chính, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
123. Ông Phạm Trung Tiến, Chuyên viên Ban tài chính Kế toán, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
124. Ông Nguyễn Công Huân, Chánh Văn phòng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
125. Ông Nguyễn Kiên Trung, Phó Chánh Văn phòng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
126. Bà Nguyễn Thị Kim Thư, Nghiên cứu viên Bộ môn Nông lâm kết hợp, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
127. Ông Nguyễn Mạnh Hà, Trưởng bộ môn Chất lượng sản phẩm chè, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
128. Bà Lê Thị Hà, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (nay thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
129. Ông Hoàng Minh Châu, Nghiên cứu viên Bộ môn Rau và Cây gia vị, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (nay thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
130. Ông Nguyễn Đức Hạnh, Trưởng bộ môn Sinh lý, sinh hóa và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (nay thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
131. Ông Ngô Xuân Phong, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý tổng hợp, Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Rau hoa quả Gia Lâm, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (nay thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
132. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hoa cây cảnh, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (nay thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
133. Bà Lương Thị Huyền, Phó trưởng phòng Phụ trách phòng Thí nghiệm tổng hợp và chuyển giao công nghệ, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cây có múi, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (nay thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam);
134. Ông Nguyễn Hoàng Việt, Nghiên cứu viên Bộ môn Sinh lý, sinh hóa và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (nay thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

135. Bà Nguyễn Thị Sen, Phó Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
136. Ông Ngô Doãn Tài, Trưởng phòng Thử nghiệm giống cây trồng thuộc phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
137. Bà Nguyễn Thị Hồng Trà, Phó Chánh Văn phòng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
138. Bà Đoàn Thị Thanh Thúy, Nghiên cứu viên Bộ môn Cây thực phẩm và Nông nghiệp công nghệ cao, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
139. Bà Đỗ Thị Thủy, Nghiên cứu viên Bộ môn Cây thực phẩm và Nông nghiệp công nghệ cao, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
140. Bà Nguyễn Thị Hương, Phó Trưởng bộ môn Phụ trách Bộ môn Nông học, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
141. Bà Đỗ Thị Hương, Phó Trưởng bộ môn Nông học, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
142. Bà Nguyễn Thị Minh, Nghiên cứu viên Bộ môn Nông học, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
143. Bà Trần Thị Thuý, Nghiên cứu viên Trung tâm Thử nghiệm Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
144. Ông Nguyễn Văn Tùng, Phó Giám đốc Trung tâm Thử nghiệm Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
145. Bà Nguyễn Thị Nhung, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cây có củ, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
146. Ông Nguyễn Đạt Thoại, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cây có củ, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
147. Bà Lê Diệu My, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Lúa lai, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
148. Ông Nguyễn Văn Năm, Trưởng bộ môn Kỹ thuật hạt giống Lúa lai, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Lúa Lai, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

149. Ông Vũ Văn Đoàn, Trưởng bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Chuỗi giá trị nông sản, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống nông nghiệp, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
150. Bà Nguyễn Thị Phương, Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống nông nghiệp, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
151. Ông Nguyễn Xuân Thắng, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
152. Bà Nguyễn Hải Yến, Trưởng bộ môn Công nghệ hạt giống, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
153. Bà Vũ Thanh Hòa, Nghiên cứu viên Bộ môn Chọn tạo giống, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
154. Ông Nguyễn Quang Đàm, Chánh Văn phòng Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
155. Ông Nguyễn Văn Mạnh, Phó trưởng bộ môn Đột biến và Ưu thế lai, Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
156. Bà Khuất Thị Mai Lương, Nghiên cứu viên Bộ môn Sinh học phân tử, Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
157. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nghiên cứu viên chính Bộ môn Đột biến và Ưu thế lai, Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
158. Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh, Nghiên cứu viên Bộ môn Thuốc, cỏ dại và môi trường, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
159. Ông Phạm Duy Trọng, Nghiên cứu viên Bộ môn Côn trùng và Tuyến trùng, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
160. Ông Đỗ Duy Phái, Trưởng phòng Phân tích trung tâm, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
161. Ông Đào Trọng Hùng, Nghiên cứu viên Bộ môn Phát sinh học và Phân loại đất, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
162. Bà Đinh Thị Ánh, Nghiên cứu viên Bộ môn Sử dụng đất, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
163. Bà Bùi Thị Phương Loan, Trưởng bộ môn Mô hình hóa và Cơ sở dữ liệu về môi trường, Viện Môi trường Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
164. Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Phó Chánh Văn phòng Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
165. Bà Lưu Thị Trâm, Phó Trưởng bộ môn Nghiên cứu đậu đỗ, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

166. Bà Nguyễn Thị Nhân, Nghiên cứu viên Bộ môn Nghiên cứu đậu đỗ, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
167. Bà Nguyễn Thị Thanh, Nghiên cứu viên Bộ môn Nghiên cứu đậu đỗ, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
168. Ông Nguyễn Viết Quyết, Nghiên cứu viên Bộ môn Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
169. Ông Cao Đỗ Mười, Nghiên cứu viên Bộ môn Hệ thống nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
170. Bà Nguyễn Thị Thom, Nghiên cứu viên Phòng Thí nghiệm Trung tâm, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
171. Ông Nguyễn Đức Anh, Giám đốc Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
172. Ông Nguyễn Trường Giang, Trưởng bộ môn Rau, hoa và Cây cảnh, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
173. Ông Hồ Sĩ Công, Trưởng bộ môn Cây Lương thực, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
174. Bà Lương Thị Thanh Nguyệt, Kế toán trưởng Văn phòng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
175. Ông Bùi Như Quý, Nhân viên Bộ môn Chuyển giao Công nghệ và Khuyến nông, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
176. Ông Lưu Ngọc Lương, Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng, Viện Nghiên cứu Mía đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
177. Ông Phạm Văn Tùng, Trưởng bộ môn Nông học Viện Nghiên cứu Mía đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
178. Ông Lê Văn Gia Nhỏ, Chánh Văn phòng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

179. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng, Phó Chánh Văn phòng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
180. Ông Trương Quốc Ánh, Phó Trưởng bộ môn Công nghệ sinh học, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
181. Ông Trần Công Khanh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây Điều, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
182. Ông Trần Anh Thông, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
183. Bà Đinh Thị Hồng Nhung, Phó trưởng phòng phụ trách phòng Nghiên cứu và Chuyên giao, Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
184. Ông Nguyễn Lương Thiện, Giám đốc Trung tâm Phân tích và Dịch vụ Khoa học công nghệ Nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
185. Bà Phạm Thị Nhạn, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
186. Ông Võ Hữu Thoại, Viện trưởng Viện Cây ăn quả miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
187. Bà Đào Thị Bé Bảy, Trưởng bộ môn Chọn tạo giống cây ăn quả, Viện Cây ăn quả miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
188. Bà Nguyễn Thúy Kiều Tiên, Phó Viện trưởng Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
189. Bà Mai Nguyệt Lan, Phó bộ môn Nông học, Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
190. Ông Hà Minh Luân, Phó trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
191. Bà Đinh Thị Ngân, Phó Chánh Văn phòng Trung tâm Tài nguyên thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
192. Bà Lê Thị Út, Kế toán viên Trung tâm Tài nguyên thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
193. Bà Nguyễn Thị Nhài, Phó Trưởng bộ môn Chọn, tạo giống tằm, Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

194. Ông Nguyễn Trần Hiếu, Phó Chánh Văn phòng, Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
195. Bà Nguyễn Thị Hà, Phó trưởng phòng Kiểm nghiệm và Dịch vụ tổng hợp, Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
196. Ông Vũ Cao Trí, Chánh Văn phòng Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
197. Bà Nguyễn Thị Thúy, Cán sự Văn phòng, Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
198. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Nghiên cứu viên Trại sản xuất nông nghiệp Văn Điển, Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
199. Ông Phan Công Kiên, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
200. Ông Nguyễn Văn Sơn, Trưởng bộ môn Chọn tạo giống và Công nghệ sinh học, Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
201. Ông Phạm Văn Phước, Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Phát triển công nghệ, Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
202. Bà Hà Thị Hảo, Chuyên viên Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
203. Bà Bùi Mỹ Trang, Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu chế biến nông sản thực phẩm, Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
204. Bà Nguyễn Thu Huyền, Kế toán viên Trung tâm Nghiên cứu chế biến nông sản thực phẩm, Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
205. Ông Phạm Ngọc Tuyên, Phó Giám đốc Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Tư vấn đầu tư, Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
206. Bà Bùi Kim Thúy, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm, Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

207. Bà Nguyễn Thị Hồng Hà, Phó Trưởng bộ môn Nghiên cứu Công nghệ sinh học sau thu hoạch, Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
208. Ông Nguyễn Hùng Cường, Phó viện trưởng Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
209. Bà Phan Thị Thanh, Chuyên viên chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
210. Ông Nguyễn Phúc Hưng, Nghiên cứu viên Phòng Hợp tác quốc tế và Quản lý dự án, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
211. Ông Đinh Thọ Nghĩa, Nghiên cứu viên Trung tâm Phát triển Cộng đồng nông thôn, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
212. Bà Vũ Thanh Huệ, Nghiên cứu viên Trung tâm Phát triển Cộng đồng nông thôn, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
213. Bà Trần Thị Bùi Trinh, Nghiên cứu viên Trung tâm Phát triển Bền vững Nông nghiệp nông thôn, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
214. Bà Đỗ Thị Dung, Nghiên cứu viên Trung tâm Phát triển Bền vững Nông nghiệp nông thôn, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
215. Ông Nguyễn Thanh Hà, Nghiên cứu viên Trung tâm Quy hoạch và Phát triển nông thôn I, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
216. Bà Hoàng Thị Hằng, Nghiên cứu viên Trung tâm Quy hoạch và Phát triển nông thôn I, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
217. Ông Nguyễn Quang Huy, Nghiên cứu viên Trung tâm Quy hoạch và Phát triển nông thôn I, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
218. Ông Phan Bá Học, Nghiên cứu viên chính Phòng Tài nguyên đất và Môi trường, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
219. Ông Vũ Ngọc Quý, Nghiên cứu viên Trung tâm Hợp tác và Quy hoạch Việt - Lào, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

220. Bà Chu Thị Huyền, Nghiên cứu viên Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
221. Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy, Nghiên cứu viên Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
222. Ông Lưu Đình Lâm, Nghiên cứu viên Trung tâm Quy hoạch và Phát triển nông thôn II, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
223. Ông Nguyễn Thành, Nghiên cứu viên Phân Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
224. Bà Nguyễn Thị Tươi, Chuyên viên Phân Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
225. Bà Đào Thị Thanh, Nghiên cứu viên Phân Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
226. Bà Trịnh Phan Ngọc Diệu, Nghiên cứu viên Phân Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
227. Ông Cao Tài, Nghiên cứu viên Phân Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
228. Bà Nguyễn Thúy Hạnh, Nghiên cứu viên Phòng Quy hoạch nông nghiệp, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
229. Ông Nguyễn Xuân Lâm, Nghiên cứu viên Phòng Quy hoạch nông nghiệp, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
230. Bà Phan Thị Bích Diệp, Nghiên cứu viên Trung tâm Quy hoạch và Phát triển nông thôn I, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
231. Bà Đoàn Thị Hằng, Phó Chánh Văn phòng Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;
232. Ông Mai Quốc Huy, Nhân viên Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 201, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;
233. Bà Trần Thị Tuyết Nhung, Phó Giám đốc Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 305, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;
234. Bà Nguyễn Thị Hảo, Nhân viên Trung tâm Quy hoạch - Điều tra tài nguyên đất, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;

235. Bà Lê Thị Ngọc, Phụ trách Kế toán Xí nghiệp Đo vẽ Ảnh số và Địa tin học, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;
236. Ông Nguyễn Thông, Tổ trưởng Tổ sản xuất, Trung tâm Tài nguyên Nước và Môi trường, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;
237. Bà Nguyễn Thị Oanh, Nhân viên Đoàn Công tác 309, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam;
238. Ông Lê Tiến Thành, Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Kế hoạch - Kỹ thuật, Xí nghiệp Trắc địa ảnh và Thông tin dữ liệu - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
239. Bà Nguyễn Đức Hạnh, Tổ trưởng Trạm ảnh số 3, Xí nghiệp Trắc địa ảnh và Thông tin dữ liệu - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
240. Bà Phạm Thị Duyên, Kỹ sư Phòng Quản lý Kỹ thuật - Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
241. Bà Trần Quỳnh Giao, Kỹ sư Phòng Quản lý Kỹ thuật - Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
242. Bà Trần Thị Châu Mỹ, Kỹ sư Phòng Quản lý Kỹ thuật - Công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
243. Ông Nguyễn Hoàng Điệp, Phó Chánh Văn phòng Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
244. Ông Cù Tất Kiên, Lái xe, Văn phòng Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
245. Bà Nguyễn Quỳnh Như, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
246. Ông Tăng Tiến Sỹ, Tổ trưởng tổ đo đạc số 8, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 3 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
247. Ông Hoàng Đức Vĩnh, Tổ trưởng Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 4 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
248. Ông Vũ Thanh Hải, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
249. Ông Nguyễn Đăng Quyết, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam;
250. Bà Vũ Thị Nga, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và bản đồ Việt Nam;

251. Bà Đào Phương Dung, Trưởng Ban Biên tập Công nghệ, Trung tâm Biên tập và Công nghệ cao, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và bản đồ Việt Nam;
252. Ông Phạm Khắc Thiện, Nhân viên Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông;
253. Ông Hoàng Vũ Quang, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
254. Bà Kim Thị Thúy Ngọc, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
255. Ông Lại Văn Mạnh, Trưởng ban Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
256. Ông Phùng Giang Hải, Trưởng ban Thể chế nông thôn, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
257. Ông Đặng Trung Tú, Trưởng ban Tổng hợp và Dự báo chiến lược, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
258. Bà Hoàng Hồng Hạnh, Trưởng ban Môi trường và Phát triển bền vững, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
259. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Trưởng ban Tài nguyên thiên nhiên, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
260. Bà Nguyễn Thị Hà, Phó Chánh Văn phòng Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
261. Bà Nguyễn Lệ Hoa, Phó Trưởng ban Tổng hợp và Dự báo chiến lược, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
262. Bà Phạm Thị Phương Thảo, Chuyên viên Văn phòng Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
263. Bà Lê Thị Lệ Quyên, Chuyên viên Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
264. Ông Phạm Thanh Hải, Nghiên cứu viên Ban Tổng hợp và Dự báo chiến lược, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
265. Ông Nguyễn Thế Thông, Nghiên cứu viên Ban Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
266. Bà Nguyễn Thu Trang, Nghiên cứu viên Ban Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
267. Bà Phạm Ánh Huyền, Nghiên cứu viên Ban Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;

268. Bà Phan Thị Thu Hà, Nghiên cứu viên chính Trung tâm Tư vấn chính sách nông nghiệp, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường;
269. Bà Hà Thị Duyên, Phó Trưởng ban Tổ chức - Hành chính, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;
270. Ông Dương Quang Trung, Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu Lâm sinh, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;
271. Bà Phan Thị My Lan, Nghiên cứu viên Chánh Văn phòng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;
272. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, Chánh Văn phòng Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;
273. Bà Lê Thị Xuân, Nghiên cứu viên chính Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;
274. Ông Phạm Xuân Đỉnh, Giám đốc Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;
275. Ông Nguyễn Ngọc Thụy, Phó Viện trưởng Viện Điều tra, Quy hoạch rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;
276. Ông Trần Quốc Nam, Nghiên cứu viên chính Trung tâm công trình thủy điện, Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
277. Ông Nguyễn Tuấn Anh, Nghiên cứu viên Trung tâm Quy hoạch và quản lý khai thác công trình thủy điện, Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
278. Bà Phạm Thu Thương, Kế toán viên Phòng Tài chính - Kế toán, Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
279. Ông Đinh Văn Đạo, Nghiên cứu viên chính Trung tâm Tư vấn Kinh tế và Quản lý Thủy lợi, Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
280. Bà Đặng Thị Thanh Thủy, Kế toán trưởng Viện nước Tưới tiêu và Môi trường, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
281. Ông Nguyễn Gia Vượng, Nghiên cứu viên Trung tâm Thủy lợi miền núi phía Bắc, Viện nước Tưới tiêu và Môi trường, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
282. Ông Nguyễn Đức Phong, Phó trưởng Phòng Tài nguyên nước và biến đổi khí hậu, Viện nước Tưới tiêu và Môi trường, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

283. Bà Trần Thị Trâm, Nghiên cứu viên chính Trung tâm Nghiên cứu Chính trị sông và Phòng, chống thiên tai, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
284. Ông Đỗ Văn Hoàng, Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thủy lợi, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
285. Ông Lương Quốc Tuấn, Phó trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
286. Ông Nguyễn Xuân Hợp, Nghiên cứu viên Trung tâm Trắc địa và Viễn thám, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
287. Ông Ngô Tiến Khiêm, Nghiên cứu viên Trung tâm nghiên cứu Công trình biển, Viện Kỹ thuật Biển, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
288. Bà Ngô Thị Thùy Dương, Kế toán viên Ban Tài chính - Kế toán, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
289. Ông Phạm Đức Trung, Nghiên cứu viên Ban Kế hoạch - Tổng hợp, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
290. Bà Nguyễn Thanh Hoài, Chuyên viên Ban Tổ chức - Hành chính, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
291. Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
292. Ông Lê Ngọc Cương, Giám đốc Trung tâm Sinh học bảo vệ đê, Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
293. Ông Nguyễn Phước Triệu, Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu Hải sản phía Nam, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;
294. Bà Phạm Thị Mát, Nghiên cứu viên Phòng Nghiên cứu và ứng dụng sinh học biển, Trung tâm Nghiên cứu Hải sản phía Bắc, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;
295. Ông Đỗ Mạnh Dũng, Nghiên cứu viên Phòng Nghiên cứu bảo tồn biển, Trung tâm Nghiên cứu Hải sản phía Bắc, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;
296. Ông Lê Thanh Tùng, Trưởng phòng Nghiên cứu và ứng dụng sinh học biển, Trung tâm Nghiên cứu Hải sản phía Bắc, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;
297. Ông Trần Quang Thư, Trưởng phòng Nghiên cứu môi trường biển, Trung tâm Nghiên cứu Hải sản phía Bắc, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;
298. Ông Nguyễn Văn Hường, Nghiên cứu viên Phòng Nghiên cứu dự báo ngư trường khai thác hải sản, Trung tâm Nghiên cứu Hải sản phía Bắc, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;

299. Ông Nguyễn Thành Luân, Nghiên cứu viên Trung tâm Quốc gia Giống Hải sản Nam Bộ Trung tâm Nghiên cứu Nuôi trồng Hải sản Miền Nam, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;
300. Ông Nguyễn Văn Giang, Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Nghiên cứu và Phát triển cộng đồng thủy sản, Trung tâm Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;
301. Bà Bùi Thị Bích Quyên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trung tâm Nghiên cứu Lợn Thụy Phương, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
302. Bà Trần Việt Phương, Nghiên cứu viên Bộ môn Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
303. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân, Nghiên cứu viên Bộ môn Di truyền và Đa dạng sinh học, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
304. Bà Ngô Thị Lệ Quyên, Nghiên cứu viên Bộ môn Di truyền và Đa dạng sinh học, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
305. Bà Trần Thị Thanh Thảo, Nghiên cứu viên Bộ môn Nghiên cứu Hệ thống và Môi trường chăn nuôi, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
306. Bà Đặng Thị Cẩm, Nghiên cứu viên Phòng Phân tích Thức ăn và Sản phẩm chăn nuôi, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
307. Bà Hoàng Thị Âu, Nghiên cứu viên Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Công nghệ Tế bào động vật, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
308. Bà Lê Thị Thành, Nhân viên kỹ thuật Trạm Nghiên cứu và Bảo tồn vật nuôi 1, Trung tâm Nghiên cứu Dê, Thỏ và Bảo tồn vật nuôi, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
309. Ông Phùng Minh Đức, Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng Tổ chức, Hành chính, Trung tâm Nghiên cứu Ong và Thủy cầm, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
310. Ông Nguyễn Văn Tiến, Phó Giám đốc Trạm Nghiên cứu chăn nuôi Bến Cát, Phân viện Chăn nuôi và Thú y Nam bộ, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
311. Bà Nguyễn Thị Thắm, Phó Giám đốc Phân viện Chăn nuôi và Thú y miền Trung, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
312. Ông Trần Văn Trung, Nghiên cứu viên Phòng Kỹ thuật và Phát triển sản phẩm Thú y, Chăn nuôi, Phân viện Chăn nuôi và Thú y miền Trung, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
313. Bà Trần Thị Thanh Hà, Trưởng Bộ môn Miễn dịch và Dịch Tễ thú y, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;

314. Ông Đào Duy Tùng, Nghiên cứu viên Bộ môn Vi sinh Vật Thú y, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam;
315. Ông Nguyễn Đại Trung, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo, Hợp tác quốc tế và Tạp chí địa chất, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản;
316. Ông Nguyễn Văn Tuấn, Quyền Trưởng phòng Kiến tạo và Địa mạo, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản;
317. Bà Trịnh Thị Thuý, Nghiên cứu viên chính Phòng Kiến tạo và Địa mạo, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản;
318. Ông Thân Văn Kết, Chuyên viên Phòng Khoa học, Đào tạo, Hợp tác quốc tế và Tạp chí địa chất, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản;
319. Bà Hoàng Thị Lan Anh, Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Tài chính, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản;
320. Bà Phạm Thị Hoài, Kế toán viên Phòng Kế hoạch và Tài chính, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản;
321. Ông Lê Viết Nam, Phó Giám đốc Trung tâm Trắc địa Công trình và Địa chính, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ;
322. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Chuyên viên Văn phòng Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ;
323. Ông Vũ Đình Hiếu, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển;
324. Ông Nguyễn Quang Hưng, Chuyên viên Trung tâm Nghiên cứu Biển và Hải đảo, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển;
325. Bà Vũ Thị Hiền, Nghiên cứu viên Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển;
326. Ông Phạm Văn Cường, Nghiên cứu viên Phòng Kinh tế và Quản lý môi trường, Biển và Hải đảo, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển;
327. Bà Nguyễn Thị Thuý, Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển;
328. Ông Nguyễn Thanh Bình, Nghiên cứu viên Phòng Nghiên cứu Đa dạng sinh học, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển;
329. Ông Phạm Văn Hiếu, Phó Trưởng phòng Nghiên cứu Đa dạng sinh học, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển;
330. Ông Nguyễn Khắc Đoàn, Nghiên cứu viên Trung tâm Nghiên cứu Biển và Hải đảo, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển;

331. Bà Nguyễn Thu Trang, Chuyên viên Phòng tổ chức, Hành chính Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp;
332. Ông Kiều Văn Công, Phó Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10;
333. Ông Nguyễn Quang Dũng, Phó Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10;
334. Ông Trần Minh Điền, Phó trưởng Ban Quản lý dự án Hệ thống công trình điều tiết, bổ sung nước phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng phía nam quốc lộ 1A, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10;
335. Bà Phạm Thị Huệ, Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1;
336. Ông Nguyễn Văn Sơn, Chuyên viên Phòng Kỹ thuật thẩm định, Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp;
337. Ông Bùi Quang Dũng, Chuyên viên Phòng Quản lý thi công và Chất lượng công trình, Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp;
338. Bà Phạm Hoàng Lan, Chuyên viên chính Phòng Quản lý thi công và Chất lượng công trình, Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp;
339. Bà Nguyễn Thị Thu Yên, Nhân viên Phòng Tổ chức, Hành chính, Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi;
340. Ông Lê Trọng Phan, Nhân viên Ban Quản lý dự án Hỗ trợ kỹ thuật cho Dự án vốn vay Chống chịu khí hậu tổng hợp sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long, Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi;
341. Ông Vũ Văn Chung, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Hồ chứa nước Sông Chè 1, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7;
342. Bà Nguyễn Thị Quy, Viên chức Phòng Tổ chức, Hành chính, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7./.